

Mạo Khê, ngày 21 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 129 /TB- MNSC ngày 20/10/2023 của trường MN Sơn Ca)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-PGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023.

Trường Mầm non Sơn Ca công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2023 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Thực hiện quý III năm 2023	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		-
I	Số thu phí, lệ phí	608,000,000	-		-
1.1	Học phí	608,000,000			-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0		
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	-	-		
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0		-
II	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>	<u>3,120,000,000</u>	<u>2,355,092,459</u>	<u>75</u>	<u>305</u>
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	3,120,000,000	2,355,092,459	75	305
3.1	<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>	<u>3,120,000,000</u>	<u>2,355,092,459</u>	<u>75</u>	<u>305</u>
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2,596,000,000</u>	<u>2,058,031,105</u>	<u>79</u>	<u>302</u>
	Mục 6000: Tiền lương	1,446,990,000	1,127,287,611	78	289
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		-	#DIV/0!	#DIV/0!
	Mục 6100: Phụ cấp lương	702,365,000	569,609,650	81	309
	Mục 6200: Tiền thưởng	12,000,000	14,040,000		-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	12,000,000	12,925,000	108	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	422,645,000	334,168,844	79	322
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				-

b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	484,000,000	<u>264,686,554</u>	<u>55</u>	<u>292</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	77,000,000	72,024,672	94	462
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	40,000,000	7,980,000	20	207
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	16,000,000	4,381,882	27	248
	Mục 6650: Hội nghị	10,000,000			
	Mục 6700: Công tác phí	24,000,000	5,980,000	25	399
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	84,000,000	56,000,000	67	337
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	83,000,000		0	#DIV/0!
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	60,000,000		0	-
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	80,000,000	118,320,000	148	231
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10,000,000		0	#DIV/0!
c	<u>Các khoản chi khác</u>	40,000,000	32,374,800	<u>81</u>	<u>8,759</u>
	Mục 7750: Chi khác	40,000,000	32,374,800	81	8,759
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			-
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	-	-		-
	Mục 6156: Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí				-
	Mục 6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập				-
	Mục 7499: Chi khác				-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>
	Mục 6907: Nhà cửa				
	Mục 6949: Các TS khác và CTHT CS khác				-

Mạo Khê, ngày 21 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Thị Phương Thảo

Số liệu Quý I/2022

772,625,663 (1,582,466,796)

772,625,663

772,625,663

681,732,601

390,499,200

-

184,472,579

-

3,000,000

103,760,822

-

897,676,218

(1,457,416,241)

109,988,067

90,523,462

15,605,062

3,855,000

1,770,000

-

1,500,000

16,628,400

-

51,165,000

0

369,600

369,600